

VÀI NÉT VỀ CHỮ HÁN ĐA ÂM VÀ MỘT SỐ GỢI Ý VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC CHỮ HÁN ĐA ÂM GIAI ĐOẠN SƠ CẤP

Nguyễn Thị Thanh Lan
Khoa Ngoại ngữ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội

Tóm tắt: Chữ Hán đa âm là hiện tượng phổ biến trong tiếng Hán hiện đại, là hiện tượng một chữ Hán có hai hoặc nhiều âm đọc khác nhau, có trường hợp chữ Hán đa âm đồng nghĩa, nhưng phổ biến nhất là chữ Hán đa âm khác nghĩa. Hiện tượng chữ Hán đa âm cùng những đặc điểm ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng diễn biến đa dạng mang lại rất nhiều khó khăn cho người học. Bài viết xin được khái quát về những kiến thức ngôn ngữ liên quan đến chữ Hán đa âm trong tiếng Hán, qua đó đưa ra những gợi ý về phương pháp học chữ Hán đa âm giai đoạn sơ cấp.

Từ khóa: chữ Hán, tiếng Hán, chữ Hán đa âm, ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, từ loại.

AN OVERVIEW OF POLYPHONIC CHINESE CHARACTERS AND SOME SUGGESTIONS FOR LEARNING METHODS AT THE ELEMENTARY LEVEL

Nguyen Thi Thanh Lan
Faculty of Foreign Languages, People's Security Academy, Hanoi

Abstract: Polyphonic Chinese characters are a common phenomenon in modern Chinese, referring to characters that have two or more different pronunciations. In some cases, these multiple pronunciations carry the same meaning, but more commonly, polyphonic characters differ in meaning. This phenomenon, along with the diverse developments in phonology, grammar, semantics, and pragmatics, presents significant challenges for learners. This article provides an overview of linguistic knowledge related to polyphonic Chinese characters in the Chinese language, and offers suggestions for effective methods of learning them at the elementary level.

Keywords: Chinese characters, Chinese language, polyphonic characters, phonology, grammar, semantics, initials, finals, tones, word classes.

Nhận bài: 19/03/2025

Phản biện: 17/04/2025

Duyệt đăng: 22/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chữ Hán là một trong những loại văn tự đặc biệt trên thế giới, thuộc hệ chữ biểu ý, chứ không biểu âm như các văn tự sử dụng bảng chữ La tinh. Thứ nhất, Chữ Hán là chữ theo khối vuông vức, được tạo thành bởi rất nhiều nét bút, các nét bút được xếp đặt chính xác, hài hòa, cân đối, nhìn chung theo một vài quy tắc cố định, và cũng nhiều trường hợp bất quy tắc ngoại lệ khác. Thứ hai, cấu tạo các nét biến thể, phức tạp, số nét trong một chữ Hán nhiều, các nét biến hóa vị trí khôn lường. Thứ ba, chữ Hán được cấu tạo bởi thể phức hợp, gồm hình, âm và nghĩa, do đó khi học chữ Hán, người học phải đồng thời học âm, học nghĩa và học hình chữ (cấu tạo và cách viết của chữ). Đa phần chữ Hán đều tồn tại tách biệt với âm đọc của chính nó. Để ghi nhớ và viết được chữ Hán, người học cần phải đồng thời ghi nhớ âm đọc, nghĩa chữ và cách viết chữ. Điểm mấu chốt này tạo nên rất nhiều khó khăn cho người học tiếng Hán nói chung, người Việt nam học tiếng Hán nói riêng. Hơn thế nữa, có rất nhiều chữ Hán có hai hoặc nhiều âm đọc khác nhau, điều này lại càng khiến cho việc học và ghi nhớ chữ Hán càng thêm khó khăn. Để khắc phục những khó khăn cho người học trong quá trình học, ghi nhớ và sử dụng chữ Hán đồng thời

cải thiện tối đa hiệu quả dạy và học tiếng Hán, bài viết đưa ra một số những gợi ý hỗ trợ cho hoạt động dạy và học chữ Hán đa âm.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát về chữ Hán đa âm trong tiếng Hán

Chữ Hán đa âm trong tiếng Hán là chữ Hán có hai hay nhiều hơn hai âm đọc. Âm đọc có tác dụng phân loại nghĩa và từ loại của từ.

Về mặt ngữ nghĩa, Chữ Hán đa âm chia thành hai loại: chữ Hán đa âm đồng nghĩa và chữ Hán đa âm đa nghĩa.

Chữ Hán đa âm đồng nghĩa

Chữ Hán đa âm đồng nghĩa là những trường hợp một chữ Hán có nhiều âm đọc tuy nhiên những âm đọc này không khác nhau về nghĩa, chỉ là trong những ngữ cảnh khác nhau, điều kiện khác nhau nên chúng đọc khác nhau. Ví dụ: Chữ “血” khi là từ đơn, độc lập tạo thành từ thì có âm đọc là “xiě”, chữ “血” trong cụm từ “流血” thì âm đọc chính là “xiě”. Nhưng khi chữ “血” ghép với các chữ khác tổ hợp thành từ, gọi là từ ghép, thì sẽ có âm đọc là “xuè”, ví dụ chữ “血” trong từ “血泊” thì âm đọc là “xuè”. Chữ “血” trong câu “血债要用血来还” xuất hiện hai lần, lần 1 có âm đọc “xuè” trong từ “血债”, lần 2 có âm đọc “xiě” khi

độc lập tạo thành từ trong cụm từ “用血”.

Một số chữ Hán đa âm đồng nghĩa xuất hiện do sự khác biệt về văn phong, trong văn viết hay trong khẩu ngữ thì âm đọc sẽ có sự biến đổi. Ví dụ chữ “哪” có âm đọc “nǎ” khi sử dụng trong văn viết, còn khi kết hợp với “一” trong tổ hợp “哪一...” trong khẩu ngữ thì có âm đọc là “něi”. Trường hợp chữ “这”, “那” lần lượt có âm đọc “zhè” “nà” trong văn viết, có âm đọc “zhèi” “nèi” trong khẩu ngữ, cũng tương tự như vậy.

Chữ Hán đa âm đa nghĩa

Chữ Hán đa âm đa nghĩa là những trường hợp một chữ Hán có âm đọc khác nhau nhưng mang ý nghĩa khác nhau (bao gồm nghĩa từ vựng và nghĩa ngữ pháp). Ví dụ: “好” có 2 âm đọc khác nhau với nghĩa khác nhau, sự khác nhau về nghĩa căn cứ vào ngữ cảnh sử dụng và từ do nó tạo thành: trong cụm từ “很好”, “好朋友” thì chữ “好” có âm đọc là “hǎo”, tương đương nghĩa “tốt”; Trong từ “爱好”, “好学”, “好客” có âm đọc là “hào”, tương đương nghĩa “sở thích, sở trường”.

Các nghĩa của chữ đa âm đa nghĩa có thể là sự khác biệt về ý nghĩa từ vựng (thực từ) hoặc là ý nghĩa ngữ pháp (hư từ). Ví dụ: chữ “得” có 3 âm đọc “de, dé, děi” với sự khác biệt về nghĩa từ vựng và nghĩa ngữ pháp tương ứng với chức năng từ loại khác nhau: “做得好” “写得快” thì chữ “得” có âm đọc là “de”, mang nghĩa ngữ pháp của 1 trợ từ kết cấu; “得病” “得分” thì chữ “得” có âm đọc là “dé”, mang nghĩa từ vựng tương đương “có được, đạt được”; “得听话” “得努力学习” thì chữ “得” có âm đọc là “děi”, mang nghĩa từ vựng của động từ năng nguyện, tương đương “phải làm, nên làm”.

Về mặt ngữ âm, căn cứ theo cấu tạo ngữ âm, Chữ Hán đa âm chia thành 7 loại (tham khảo Trương Cảnh (2011). Tham khảo thống kê từ số liệu 118 các chữ Hán đa âm trong cuốn “Từ điển 8000 từ tiếng Hán – Đại cương từ vựng của kỳ thi năng lực tiếng Hán (HSK)” của tác giả Nguyễn Ngọc Thúy Anh, kết quả phân loại như sau:

(1) Vận mẫu và thanh điệu giống nhau, thanh mẫu khác nhau

系 (xì; jì) 弄 (nòng; lòng)

(2) Thanh mẫu và thanh điệu giống nhau, vận mẫu khác nhau

大 (dà; dài)	都 (dōu; dū)
还 (hái; huán)	落 (là; luò)
埋 (mái; mán)	默 (mó; mú)
薄 (báo; bó)	剥 (bāo; bō)

(3) Thanh mẫu và vận mẫu giống nhau, thanh điệu khác nhau

挨 (āi; ái)	背 (bēi; bèi)
奔 (bēn; bèn)	别 (bié; biē)
处 (chǔ; chù)	答 (dā; dá)
担 (dān; dàn)	当 (dāng; dàng)
倒 (dǎo; dào)	干 (gān; gàn)
发 (fā; fà)	分 (fēn; fèn)
更 (gēng; gèng)	好 (hǎo; hào)
划 (huá; huà)	几 (jǐ; jī)
假 (jiǎ; jià)	结 (jiē; jié)
尽 (jìn; jǐn)	间 (jiān; jiàn)
将 (jiāng; jiàng)	教 (jiāo; jiào)
看 (kān; kàn)	空 (kōng; kòng)
量 (liáng; liàng)	累 (lěi; lèi)
凉 (liáng; liàng)	闷 (mēn; mèn)
哪 (nǎ; na)	难 (nán; nàn)
切 (qiē; qiè)	曲 (qū; qǔ)
散 (sǎn; sàn)	少 (shǎo; shào)
数 (shǔ; shù)	挑 (tiāo; tiǎo)
吐 (tǔ; tù)	为 (wéi; wèi)
兴 (xīng; xìng)	相 (xiāng; xiàng)
要 (yāo; yào)	应 (yīng; yìng)
与 (yǔ; yù)	炸 (zhá; zhà)
正 (zhēng; zhèng)	中 (zhōng; zhòng)
种 (zhǒng; zhòng)	只 (zhī; zhǐ)
转 (zhuǎn; zhuàn)	

(4) Thanh điệu giống nhau, thanh mẫu và vận mẫu khác nhau

给 (gěi; jǐ)	行 (háng; xíng)
乐 (lè; yuè)	
会 (huì; kuài)	省 (shěng; xǐng)
似 (shì; sì)	

(5) Vận mẫu giống nhau, thanh mẫu và thanh điệu khác nhau

扒 (bā; pá)	藏 (cáng; zàng)
传 (chuán; zhuàn)	
便 (biàn; pián)	重 (chóng; zhòng)
长 (cháng; zhǎng)	调 (diào; tiáo)

(6) Thanh mẫu giống nhau, vận mẫu và thanh điệu khác nhau

称 (chèn; chēng)	地 (de; dì)
角 (jiǎo; jué)	血 (xiě; xuè)
觉 (jiào; jué)	了 (le; liǎo)
没 (méi; mò)	

(7) Loại khác

的 (de; dí; dì)	得 (de; dé; děi)
恶 (ě; è; wù)	着 (zhāo; zháo; zhe; zhuó)

Trong phạm vi bài viết này, tác giả hướng tới việc dạy và học cho nhóm đối tượng trình độ sơ cấp, tương đương trình độ năng lực tiếng Hán

HSK3 và tiệm cận trình độ HSK3. Do đó, dữ liệu thống kê chữ Hán đa âm trong 7 nhóm ở trên được lựa chọn từ số liệu 118 chữ Hán đa âm của tác giả Nguyễn Ngọc Thúy Anh, cũng đồng thời là những chữ Hán đa âm thường dùng xuất hiện trong bảng từ vựng của một số bộ giáo trình Hán ngữ hiện hành đã và đang được sử dụng rộng rãi làm giáo trình học chính ở các trường, các trung tâm giáo dục, áp dụng cho đa dạng đối tượng người học, đó là bộ Giáo trình Hán ngữ của tác giả Dương Kế Châu, bộ giáo trình Hán ngữ Msutong của nhóm tác giả Hứa Kim Sinh. Kết quả thống kê của 7 nhóm chữ Hán đa âm ở trên cho thấy, Chữ Hán đa âm chiếm số lượng lớn nhất là những chữ chỉ khác nhau về thanh điệu (nhóm số 3). Trong đó, bốn thanh điệu chính (kể cả thanh nhẹ) đều có sự biến đổi. Đặc biệt, sự biến đổi giữa thanh 1 và thanh 4 là nhiều nhất, sự biến đổi giữa thanh 3 và thanh 4 cũng tương đối cao. Chữ Hán đa âm chiếm số lượng nhỏ nhất là những chữ chỉ khác nhau thanh mẫu (nhóm số 1). (tham khảo p34 Nguyễn Ngọc Thúy Anh). Kết quả phân loại này cũng mở ra hướng giúp người học ghi nhớ một cách hiệu quả sự khác nhau của các chữ Hán đa âm trong tiếng Hán.

2.2. Một số gợi ý về phương pháp học chữ Hán đa âm giai đoạn sơ cấp

Phương pháp 1, ghi nhớ dựa vào việc chữ Hán đa âm tổ hợp từ với các âm đọc khác nhau

Phương pháp ghi nhớ dựa vào việc chữ Hán đa âm tổ hợp từ với các âm đọc khác nhau có nghĩa là ghi nhớ cách đọc khác nhau theo hình thức tổ từ, đây có thể coi là cách đơn giản nhất, trực tiếp nhất để khắc phục khó khăn trong học tập chữ Hán đa âm. Ví dụ với từ “着” (zhe, zháo), nếu trực tiếp yêu cầu người học ghi nhớ 2 âm đọc của chữ thì người học chưa thực sự nắm được vấn đề cốt lõi và thực chất có thể sẽ không sử dụng được chính xác hai âm đọc này, nhưng nếu tiến hành tổ hợp từ tương ứng cho hai âm đọc này như sau, âm đọc “zháo” có thể tạo thành từ “着急 (zháojí), 着火 (zháohuǒ)”, âm đọc “zhe” có thể gắn với một vài động tác đơn giản dễ làm, ví dụ như “走着 (zǒu zhe), 拿着 (ná zhe), 看着 (kàn zhe)”; Ví dụ tương tự với từ “没”(méi, mò) tạo thành các từ “没有”(méi yǒu), 淹没 (yān mò). Đây là một cách thức tương đối đơn giản giúp người học thông qua các từ/ từ tổ tương ứng của chữ đa âm để ghi nhớ âm đọc và ý nghĩa từ vựng hoặc ý nghĩa ngữ pháp của chữ đa âm đó, từ đó ghi nhớ được âm đọc nào sẽ được sử dụng trong những

từ ngữ nào cho phù hợp.

Phương pháp 2, ghi nhớ bằng cách liên hệ các âm đọc khác nhau vào cùng một ngữ cảnh sử dụng tương ứng

Phương pháp ghi nhớ bằng cách liên hệ các âm đọc khác nhau vào cùng một ngữ cảnh sử dụng tương ứng có nghĩa là đặt các âm đọc khác nhau của chữ đa âm vào cùng một câu cụ thể để ghi nhớ âm đọc. Đây là một bước nâng cao hơn để khắc phục tình trạng người học đã biết âm đọc của chữ đa âm trong tổ hợp từ nhưng không biết cách vận dụng, thì chúng ta có thể đặt hai âm đọc khác nhau vào trong cùng 1 câu cụ thể để phân biệt âm đọc và ý nghĩa. Ví dụ chữ “好” đặt vào câu “要想取得好成绩，必须要勤奋、好学。” , trong đó “好成绩” có âm đọc là “hǎo”, “好学” có âm đọc là “hào” trong “hàoxué”; chữ “乐” có âm đọc “lè” và “yuè”, có thể đặt vào câu “好的音乐能让人感到快乐。”, trong đó “音乐” có âm đọc “yīnyuè”, “快乐” có âm đọc “kuàilè”. Đặt các âm đọc khác nhau của 1 chữ vào trong cùng 1 câu, yêu cầu người học thuộc câu, đây là một cách đơn giản hơn, trực quan hơn để giúp người học hiểu rõ được chữ đa âm này được sử dụng trong ngữ cảnh cụ thể và có thể áp dụng cho các ngữ cảnh sử dụng tương tự.

Phương pháp 3, ghi nhớ bằng đặc điểm từ loại của chữ Hán đa âm

Trong mục khái quát về chữ Hán đa âm ở trên đã đề cập đến vấn đề âm đọc khác nhau của chữ đa âm thường tương ứng với từ loại khác nhau, do đó chúng ta căn cứ vào sự khác biệt về từ loại để phân biệt cách sử dụng khác nhau của chữ đa âm. Ví dụ như “长” là hình dung từ, âm đọc là “cháng”, có thể tổ từ thành “很长 (hěn cháng)、长短 (cháng duǎn)” nhưng “长” khi là động từ thì âm đọc cũng thay đổi thành “zhǎng” trong các từ “长大 (zhǎngdà)、生长 (shēngzhǎng)”. Điều này khẳng định, trong nhiều trường hợp từ loại khác nhau thì âm đọc cũng khác nhau. Với cách này, người học vừa có thể ghi nhớ từ loại của từ mà chữ đa âm tạo thành, vừa có thể ghi nhớ luôn âm đọc khác nhau gắn với chức năng từ loại khác nhau của từ đó. Ví dụ như từ “数” khi đọc là “shù” thì “数” là một danh từ, có thể tổ hợp thành các từ khác như “数学” có âm đọc là “shùxué”, “数量” có âm đọc là “shùliàng”, nhưng khi từ loại thay đổi thành động từ, thì âm đọc cũng thay đổi thành “shǔ”, các từ tổ tương ứng là “数不起” có âm đọc là “shǔ bu qǐ”, “数一下” có âm đọc là “shǔ yíxià”.

Phương pháp 4, dựa vào ý nghĩa từ vựng của

chữ Hán đa âm

Phần lớn các âm đọc khác nhau thường mang ý nghĩa không giống nhau, căn cứ vào ý nghĩa, chúng ta có thể phân biệt được các âm đọc của chữ Hán đa âm. Coi chữ Hán đa âm là một đơn vị từ tố, đơn vị từ tố này có thể độc lập tạo thành từ hoặc kết hợp với một đơn vị từ tố khác để tạo nên một từ, việc xác định sự kết hợp của chữ Hán đa âm và từ tố còn lại để phân biệt nghĩa khác nhau của chữ Hán đa âm. Ví dụ: chữ “惡” có 3 âm đọc khác nhau, lần lượt là “ě”, “è”, “wù”, lần lượt tương ứng với các nghĩa là “buồn nôn”, “ác độc”, “ghét”, lần lượt kết hợp với các từ tố riêng để tạo thành các từ tương ứng về nghĩa là “恶心”, “恶毒”, “可恶”; chữ “假” có 2 âm đọc khác nhau, lần lượt là “jiǎ”, “jià”, lần lượt tương ứng với các nghĩa là “giả”, “thời gian nghỉ” lần lượt kết hợp với các từ tố riêng để tạo thành các từ tương ứng về nghĩa là “假装, 假设”, “放假, 假期”.

Phương pháp 5, dựa vào phân loại chữ Hán đa

âm theo đặc điểm ngữ âm

Đây là phương pháp dựa vào đặc điểm ngữ âm điểm giống và khác nhau về thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu của chữ Hán đa âm để ghi nhớ chữ Hán đa âm (tham khảo dữ liệu thống kê trong phần phân loại chữ Hán đa âm theo đặc điểm ngữ âm ở trên).

III. KẾT LUẬN

Chữ Hán đa âm là một hiện tượng ngôn ngữ phức tạp trong tiếng Hán. Việc nắm vững những kiến thức ngôn ngữ về chữ Hán đa âm, bao gồm những điểm giống nhau, đặc biệt là những điểm khác nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, từ loại ... là mấu chốt quan trọng để người học chế ngự và hóa giải được những khó khăn trong học tập và vận dụng chữ Hán đa âm. Bài viết với những gợi ý cụ thể về phương pháp học chữ Hán đa âm dựa trên nền kiến thức thức ngôn ngữ về nó hi vọng có thể khai mở những khó khăn cho người học trong quá trình học tập và vận dụng chữ Hán đa âm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Cảnh, “Bàn về chữ đa âm trong chữ Hán hiện đại”. Baidu.com, 2011.
2. Nguyễn Ngọc Thúy Anh, “Chữ Hán đa âm thường dùng trong tiếng Hán hiện đại và ứng dụng vào việc dạy – học tiếng Hán tại Việt Nam”. Khoa học Ngoại ngữ quân sự (số 02-03/2018), 2018.
3. Nguyễn Thị Xuyên, “Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học chữ đa âm trong tiếng Hán tại Trường Đại học Sao đỏ”. Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao đỏ (số 04/71) 2020, 2020.
4. Nguyễn Thị Thanh Lan, “Phương pháp nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong dạy – học chữ Hán ở các trường đại học Trung Quốc” (Kỷ yếu hội thảo kinh nghiệm đào tạo đại học của các nước tiên tiến trên thế giới). Học viện An ninh Nhân dân, 2016.